

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 452/2021/HS-ST

Ngày: 12-11-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn M Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 397/2021/HSST ngày 13/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2021/QĐXXST-HS ngày 26/10/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 04/01/1984 tại tỉnh BG; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã NT, huyện TY, tỉnh BG; nơi cư trú: X Đường Y, Khu phố Z, phường BP, thành phố Thủ Đức; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến nay. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Bị hại:** Cháu Lê Thị Thúy V, sinh năm: 2008.

Nơi cư trú: Số P, Đường Q, Khu phố A, phường BP, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Lê Anh M, sinh năm: 1979 và chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Số P, Đường Q, Khu phố A, phường BP, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị K ủy quyền cho anh M đại diện. Ông M, bà K vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày P/01/2021, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Vecstar không rõ biển số lưu thông trên Đường Q, Khu phố A, phường BP, thành phố Thủ Đức để về phòng trọ tại số 686/45, Đường Y, Khu phố Z, phường BP, thành phố Thủ Đức. Khi đến trước nhà trọ số 3 Đường Q, Khu phố A, phường BP thì phát hiện cháu Lê Thị Thuý P (sinh năm 2008) đang cầm điện thoại di động hiệu Samsung A31 màu xanh của anh Lê Anh M (là cha của cháu V) ngồi cùng bạn Lê Thị Tố Q (sinh năm 2008) sử dụng trước nhà trọ. T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên vòng xe quay lại, T cho xe cập sát cháu V và cháu N giả vờ hỏi tìm người quen. Lúc này, T vẫn ngồi trên xe (xe vẫn nổ máy) một chân T để xuống đất đầu xe quay đầu hướng ra Đường Y khi quan sát thấy V không để ý, T dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên tay V, rồi điều khiển xe tẩu thoát. V đứng dậy hô lớn “cướp, cướp, giật điện thoại”. Lúc này, anh Võ Minh L đang đứng trước phòng trọ số P nghe tiếng tri hô của V, nên cùng anh Lê Anh M chở V đi tìm T. Đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, anh M, anh L cùng cháu V phát hiện T đang đứng trong cửa hàng điện thoại di động “Trường Thịnh” địa chỉ số 148, Đường Y cũ, Khu phố Z, phường BP, thành phố Thủ Đức do anh Tôn Anh D làm chủ nên cùng người dân giữ T cùng tang vật và trình báo Công an phường BP lập hồ sơ xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Anh Tôn Anh D khai khi T vừa vào cửa hàng chưa kịp nói chuyện thì thấy người dân hô cướp rồi khống chế T, thu giữ chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A31 rồi giao Cơ quan Công an xử lý.

Bản kết luận định giá tài sản số 30 ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức đã kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A31 có giá là 3.800.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A31.
- 01 xe mô tô hiệu Vecstar, không biển số; SM: FMG-3*10579952; số khung: PCG0011S579952.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Anh M là cha của cháu Lê Thị Thuý P đã nhận lại điện thoại di động hiệu Samsung A31 và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bản Cáo trạng số 258/CT-VKS ngày 22/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Anh M là cha của cháu Lê Thị Thuý P đã nhận lại điện thoại di động hiệu Samsung A31 và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không bào chữa, tranh luận, không nói lời sau cùng. Bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/11/2021, bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Xét đơn xin vắng mặt của bị cáo là hợp lệ và việc bị cáo vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội, lời khai của bị hại, của người làm chứng,... và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với hành vi của bị cáo mà Cáo trạng đã nêu. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày P/01/2021, tại trước nhà trọ số P Đường Q, khu phố P, phường BP, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi điều khiển xe mô tô hiệu Vecstar không rõ biển số cướp giật điện thoại Samsung A31 màu xanh của anh Lê Anh M do cháu Lê Thị Thuý P (sinh năm 2008) đang cầm sử dụng trước nhà trọ, rồi nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát.

Hành vi của bị cáo T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Đối với anh Tôn Anh D không biết điện thoại di động do T phạm tội mà có và cũng chưa mua điện thoại của T nên không có căn cứ để xử lý.

[4] Về tình tiết tăng nặng định khung hình phạt:

Bị cáo dùng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật, bị cáo cướp giật tài sản do cháu V (sinh năm: 2008) đang sử dụng, do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là dùng thủ đoạn nguy hiểm và phạm tội với người dưới 16 tuổi quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng đã dùng để định khung hình phạt đối với bị cáo nên không bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức cũng đủ để có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A31, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là anh Lê Anh M là đúng quy định của pháp luật.

Đối với: 01 xe mô tô hiệu Vecstar, không biển số; SM: FMG-3*10579952; số khung: PCG0011S579952, kết quả xác minh được biết xe trên do ông Nguyễn Công P làm chủ sở hữu. Năm 2011, ông Trung cho con trai là anh Nguyễn Công Q chiếc xe mô tô trên. Năm 2019, anh Huy bán chiếc xe mô tô trên cho một nam thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng

(không ra công chứng) tại khu vực phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức. Nguyễn Văn T mua lại xe trên của một người đàn ông không rõ lai lịch tại khu vực phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức. Xét đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Anh M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T P** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với: 01 xe mô tô hiệu Vecstar, không biển số; SM: FMG-3*10579952; số khung: PCG0011S579952.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 124/QĐ-VKS ngày 13/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2021)

4. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Trung Thực